

Cao Bằng, ngày 08 tháng 3 năm 2023

BẢNG ĐIỂM
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 08 (thành phố Cao Bằng)
Hình thức đào tạo không tập trung; Thời gian học từ ngày 26/10/2021 đến ngày 08/3/2023

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
1	Đoàn Thị Vân Anh	6,25	7,25	6,25	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	7,50	7,00	7,00	9,00	7,25	7,25	7,25	7,25	7,19	Khá	Tốt
2	Hoàng Thị Chao	7,00	6,75	8,25	7,50	7,50	7,50	7,00	8,00	7,50	7,50	7,50	7,75	7,00	8,50	7,38	7,25	7,50	7,38	7,49	Khá	Tốt
3	Lôi Thị Chao	6,25	6,50	6,75	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,75	7,63	7,50	7,75	7,63	7,57	Khá	Tốt
4	Trần Huệ Chi	6,25	6,75	6,25	7,75	7,50	7,00	7,25	7,25	7,00	7,25	7,75	7,50	6,50	8,75	7,50	7,25	7,75	7,50	7,25	Khá	Tốt
5	Đàm Quang Chiến	6,50	7,00	6,25	7,25	7,75	7,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,25	7,50	6,50	8,75	7,33	7,25	7,25	7,50	7,21	Khá	Tốt
6	Hoàng Ngọc Diệp	6,50	7,00	6,25	7,00	6,75	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,50	6,50	8,75	7,50	7,50	7,75	7,25	7,28	Khá	Tốt
7	Nguyễn Minh Đoàn	6,75	7,25	6,25	6,50	7,00	6,50	7,25	7,00	7,00	7,00	7,75	6,50	6,00	8,75	7,17	7,25	7,25	7,00	7,00	Khá	Tốt
8	Lã Thị Giang	7,00	8,00	6,25	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,00	9,00	7,50	7,75	7,25	7,50	7,60	Khá	Tốt

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
9	Đình Văn Giáp	7,00	7,75	6,25	7,00	7,50	7,00	7,00	7,50	7,75	7,50	7,50	7,50	6,50	8,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,34	Khá	Tốt
10	Nông Thị Ngân Hà	7,75	8,00	7,75	7,00	7,75	7,50	7,75	7,50	8,00	7,75	7,25	8,00	7,25	8,75	7,50	7,50	7,25	7,75	7,68	Khá	Tốt
11	Hoàng Thị Thanh Hà	7,50	6,00	6,25	7,00	7,00	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	7,50	7,00	6,00	8,75	7,25	7,25	7,25	7,25	7,24	Khá	Tốt
12	Nông Thị Thúy Hằng	7,50	7,00	7,50	7,00	6,50	7,50	7,50	7,50	8,00	7,50	7,75	7,50	7,00	8,75	7,75	8,00	7,50	7,75	7,51	Khá	Tốt
13	Nông Thị Hằng	6,50	7,00	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	7,75	7,75	7,50	7,75	8,00	7,50	8,50	7,63	7,50	7,75	7,63	7,65	Khá	Tốt
14	Vũ Thị Hằng	7,25	7,00	7,25	7,25	7,75	8,00	7,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,75	7,00	6,50	7,50	7,00	7,60	Khá	Tốt
15	Đỗ Thị Hằng	7,50	7,75	6,75	8,00	7,75	7,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	9,00	8,25				7,88	Khá	Tốt
16	Lâm Thị Hiền	7,50	6,75	8,00	7,00	7,00	7,00	7,75	7,75	7,00	7,50	7,50	6,50	7,00	9,00	7,50	7,25	7,75	7,50	7,40	Khá	Tốt
17	Hoàng Thị Thu Hiền	7,00	6,75	7,50	7,25	7,75	7,75	7,75	7,50	7,00	7,75	8,00	8,00	7,25	9,00	7,42	7,50	7,25	7,50	7,56	Khá	Tốt
18	Lục Minh Hiền	7,50	7,25	7,50	7,00	7,50	6,50	7,25	7,75	8,00	7,50	7,75	7,50	8,00	8,75	7,50	7,50	7,50	7,50	7,54	Khá	Tốt
19	Nguyễn Thị Thanh Hoa	7,75	8,00	8,00	7,50	7,25	7,50	7,25	8,25	8,25	8,00	8,00	8,25	8,50	8,75	8,25				8,00	Giỏi	Tốt
20	Hoàng Thị Hoan	7,25	7,25	7,75	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	8,00	8,00	8,00	6,50	9,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,63	Khá	Tốt
21	Nông Thị Hồng	7,75	8,00	8,00	7,75	7,75	7,00	7,75	8,00	7,50	7,50	7,00	8,00	7,50	8,50	7,58	7,50	7,50	7,75	7,69	Khá	Tốt

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
22	Vũ Thị Hồng	7,00	7,25	6,75	6,75	7,50	7,50	7,00	7,50	7,00	7,25	7,00	7,50	6,50	8,75	7,08	7,25	6,75	7,25	7,21	Khá	Tốt
23	Đổng Thanh Huệ	7,00	7,25	7,75	7,75	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	9,00	8,25				7,93	Khá	Tốt
24	Ngân Thị Hương	6,50	7,50	6,75	7,00	7,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	7,75	7,75	8,75	7,38	7,75	7,00	7,38	7,36	Khá	Tốt
25	Vũ Thị Lan Hương	6,00	8,00	6,00	7,50	6,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,00	8,00	7,50	8,00	8,75	7,50	7,50	7,50	7,50	7,60	Khá	Tốt
26	Phạm Thị Lan Hương	6,75	7,25	6,50	7,25	7,75	7,00	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	7,75	8,50	7,25	7,00	7,50	7,25	7,38	Khá	Tốt
27	Nông Thu Hương	6,00	7,00	6,50	7,00	7,75	7,50	7,00	7,75	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	8,75	7,75	8,00	7,50	7,75	7,44	Khá	Tốt
28	Lý Ánh Hường	7,25	7,00	7,50	7,50	7,50	8,00	7,25	7,50	7,75	7,50	7,50	8,00	7,50	8,50	7,63	7,75	7,50	7,63	7,60	Khá	Khá
29	Lục Thị Kiều	6,00	7,00	7,00	6,50	7,50	7,50	7,25	7,00	6,50	7,75	7,50	7,50	6,50	8,75	7,63	7,50	7,75	7,63	7,24	Khá	Tốt
30	Lục Thị Phương Lan	7,00	7,00	7,75	7,50	8,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,00	7,00	7,75	9,00	7,33	7,50	7,00	7,50	7,38	Khá	Tốt
31	Nông Thị Diệu Linh	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,25	8,00	8,25	8,50	8,50	9,00	8,25				8,19	Giỏi	Tốt
32	Phan Khánh Linh	7,25	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,25	7,50	9,00	8,25				7,91	Khá	Tốt
33	Phan Thị Liên	7,00	7,00	6,25	7,75	7,50	8,00	7,75	7,75	7,50	7,50	8,00	7,50	7,50	9,00	7,67	8,00	7,25	7,75	7,59	Khá	Tốt
34	Hoàng Thị Liên	8,00	7,00	7,00	7,25	7,75	7,75	7,75	7,75	8,00	7,50	7,50	7,50	7,50	8,75	7,75	8,00	7,50	7,75	7,66	Khá	Tốt

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
35	Nông Thị Thúy Lưu	7,50	7,50	7,50	7,50	7,75	7,50	8,00	7,75	8,00	8,00	7,50	8,00	7,50	9,00	7,75	7,75	7,75	7,75	7,78	Khá	Tốt
36	Đình Thị Lụa	7,50	7,75	7,50	7,25	7,75	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,25	9,00	7,63	7,75	7,50	7,63	7,74	Khá	Tốt
37	Hà Vũ Mạnh	6,00	7,25	6,25	6,00	7,50	7,50	7,50	7,75	7,00	7,25	7,50	7,50	7,00	8,75	7,08	7,00	7,00	7,25	7,18	Khá	Tốt
38	Nông Thị Huyền My	7,00	7,75	8,00	7,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,50	8,50	9,00	8,25				8,03	Giỏi	Tốt
39	Nguyễn Thị Huyền My	6,50	7,00	7,25	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	9,00	7,13	7,25	7,00	7,13	7,63	Khá	Tốt
40	Lý Thị Mùi	7,00	7,25	7,25	6,25	7,50	7,00	8,00	8,00	7,75	8,00	7,50	7,75	7,75	8,75	7,75	7,50	8,00	7,75	7,59	Khá	Tốt
41	Lục Thị Bích Ngọc	7,50	8,00	7,50	7,00	7,00	8,00	7,75	7,50	7,50	7,50	7,50	8,00	8,00	9,00	7,50	7,50	7,50	7,50	7,66	Khá	Tốt
42	Nông Thị Ngâm	7,00	7,75	7,50	7,00	7,25	8,00	7,50	7,50	7,25	7,50	7,00	8,00	7,25	9,00	7,63	7,75	7,50	7,63	7,55	Khá	Tốt
43	Dương Thị Nghiệp	7,25	7,00	6,50	6,75	7,25	7,50	7,75	7,25	8,00	7,50	7,00	8,00	6,75	9,00	7,63	7,75	7,50	7,63	7,43	Khá	Tốt
44	Nguyễn Thị Nhã	7,75	6,25	6,50	6,50	7,25	7,50	7,50	7,00	8,25	7,50	6,75	8,00	8,00	9,00	7,38	7,25	7,50	7,38	7,40	Khá	Tốt
45	Nguyễn Tuyết Nhung	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,25	8,25	9,00	8,25				8,09	Giỏi	Tốt
46	Ma Thị Oanh	7,50	6,50	7,75	7,50	7,75	8,00	7,75	7,75	8,25	7,50	8,25	8,00	8,50	9,00	8,00				7,88	Khá	Tốt
47	Lý Thị Phúc	7,00	7,25	6,25	7,75	7,75	7,50	8,00	7,50	8,00	7,75	7,75	8,00	8,00	9,00	7,38	7,00	7,75	7,38	7,63	Khá	Tốt

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện	
48	Ngô Thị Phương	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	8,00	7,75	8,25	9,00	8,00							
49	Hoàng Hải Quý	7,00	7,00	7,25	7,50	7,75	8,00	7,50	7,50	7,75	7,50	7,50	7,50	6,75	9,00	7,25				8,00	Giỏi	Tốt	
50	Phùng Thị Quỳnh	7,75	6,75	7,00	7,25	7,75	7,00	7,50	7,50	8,00	6,75	7,75	7,25	8,25	8,75	7,17	7,25	6,75	7,50	7,49	Khá	Tốt	
51	Nông Công Sỹ	7,50	6,00	6,50	7,00	7,25	7,00	7,00	7,50	7,00	7,25	7,00	7,00	6,50	8,75	6,75	7,25	6,75	7,50	7,46	Khá	Tốt	
52	Phạm Thị Tài	7,00	6,50	7,75	6,00	7,50	7,00	7,50	7,25	7,00	7,25	7,00	8,00	8,00	9,00	7,50	6,75	6,50	7,00	7,03	Khá	Tốt	
53	Chu Văn Tình	6,00	5,50	6,25	6,00	7,50	7,00	7,00	7,25	7,00	7,25	7,00	7,25	6,75	8,75	7,50	7,00	8,00	7,50	7,37	Khá	Tốt	
54	Lục Toàn Thắng	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,00	6,50	6,75	7,00	7,00	7,00	7,00	6,50	8,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,00	Khá	Tốt	
55	Nông Quốc Thắng	8,00	8,00	8,00	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	7,75	7,50	7,75	7,75	7,75	9,00	8,50				7,01	Khá	Khá	
56	Nguyễn Thị Thuận	7,50	7,50	8,25	8,00	8,25	7,00	8,00	7,50	8,00	7,25	7,50	8,00	8,50	9,00	7,75				8,01	Giỏi	Tốt	
57	Lục Xuân Trường	7,50	7,00	7,00	6,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	7,50	8,00	7,50	9,00	7,75				7,85	Khá	Khá	
58	Phạm Thị Minh Thoa	7,75	7,50	6,75	6,50	6,50	7,00	7,25	7,00	7,75	7,50	7,00	7,50	6,00	8,75	7,17	7,00	6,75	7,75	7,29	Khá	Tốt	
59	Mã Thị Thu	6,50	7,75	7,00	6,50	7,00	7,25	7,50	7,00	7,50	7,00	7,00	7,50	6,25	8,50	7,00	7,25	6,75	7,75	7,19	Khá	Tốt	
60	La Thị Minh Thứ	7,00	7,50	7,50	7,25	7,50	7,50	7,00	7,00	7,00	7,25	7,25	8,00	6,50	8,75	7,13	7,50	6,75	7,13	7,32	Khá	Tốt	

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
61	Lại Thị Minh Thúy	7,50	6,75	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	7,50	7,25	7,75	8,00	7,50	9,00	7,75	7,50	8,00	7,75	7,72	Khá	Tốt
62	Nông Bích Thủy	7,50	8,00	8,00	7,50	8,00	7,25	8,00	8,00	7,50	8,00	7,75	8,00	7,75	8,75	8,25				7,93	Khá	Tốt
63	Bế Thị Thanh Thủy	7,00	7,00	6,50	8,00	8,00	7,25	8,00	8,00	7,50	7,50	7,50	8,00	7,75	9,00	7,63	7,25	8,00	7,63	7,64	Khá	Tốt
64	Lăng Thị Thủy	6,50	6,50	6,50	7,00	7,50	7,75	7,75	7,50	7,75	7,50	7,50	8,00	6,75	8,75	7,50	7,25	7,50	7,75	7,40	Khá	Tốt
65	Nguyễn Thị Thu Trang	7,00	8,25	7,50	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,75	8,00	7,50	7,75	8,00	8,75	8,25				7,94	Khá	Tốt
66	Phan Thị Thu Trang	8,00	8,00	7,50	8,00	8,25	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	8,00	7,75	7,50	9,00	8,25				8,04	Giỏi	Tốt
67	Lương Quang Tuấn	7,50	7,50	7,75	8,00	8,00	8,00	8,25	8,25	8,25	7,50	8,00	8,25	8,25	8,50	8,00				8,00	Giỏi	Tốt
68	Nguyễn Thị Tuyền	7,00	6,25	6,50	7,00	7,50	8,00	8,00	8,00	7,25	8,00	7,50	8,25	7,00	8,75	7,75	7,75	7,75	7,75	7,54	Khá	Tốt
69	Nông Thị Tuyết	8,00	8,00	8,00	7,50	8,00	7,00	7,50	7,50	7,75	7,50	7,75	8,00	8,25	9,00	8,25				7,91	Khá	Tốt
70	Bế Xuân Vinh	7,50	7,25	7,25	7,50	7,75	7,50	7,50	7,75	8,00	7,25	7,50	7,50	7,25	9,00	7,00	7,00	7,00	7,00	7,50	Khá	Tốt
71	Hoàng Trường Vương	7,00	7,25	6,25	7,50	8,00	7,00	7,75	7,50	7,50	7,50	8,00	7,50	8,00	9,00	7,17	7,00	7,00	7,50	7,49	Khá	Tốt
72	Hoàng Thị Kiều Xuân	8,00	7,25	6,25	7,25	7,50	7,50	7,50	8,00	7,50	7,00	7,75	6,50	7,50	8,75	6,83	6,75	6,50	7,25	7,34	Khá	Tốt
73	Nguyễn Hải Yến	7,00	6,50	6,50	7,25	7,75	7,25	7,50	7,50	7,25	7,25	7,75	8,00	7,25	9,00	7,17	7,00	7,00	7,50	7,37	Khá	Tốt

TT	Họ và tên	Nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử	Kinh tế chính trị về phương thức sản xuất TBCN và Kinh tế chính trị về thời kỳ quá độ lên CNXH	Nội dung cơ bản của CNXH KH và Nhận thức về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam	Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam	Xây dựng Đảng	Nội dung cơ bản về Nhà nước và pháp luật Việt Nam	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	Quản lý hành chính nhà nước	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương	Kiến thức bổ trợ	Điểm bài thu hoạch nghiên cứu thực tế	Khóa luận/ thi tốt nghiệp	TN1	TN2	TN3	Trung bình toàn khóa	Xếp loại	Điểm rèn luyện
74	Đàm Thị Yến	7,00	6,50	7,00	7,00	8,00	7,00	7,00	7,50	7,25	7,00	7,00	7,50	7,00	9,00	7,13	7,50	6,75	7,13	7,24	Khá	Tốt
75	Trần Thị Bạch Yến	7,50	7,25	7,00	7,00	7,75	7,25	7,00	7,00	7,00	7,25	8,00	7,25	8,00	8,75	7,33	7,25	7,50	7,25	7,41	Khá	Tốt
76	Lương Thị Hải Yến	7,50	6,25	7,00	7,00	7,75	7,00	7,00	7,25	7,00	7,00	7,00	7,50	7,00	8,75	7,00	7,25	6,75	7,00	7,18	Khá	Tốt
77	Triệu Kim Ngân	5,25	7,75	7,50	8,00	6,50	7,00	5,00	7,75	7,75	7,50	6,75	7,75	7,75	8,50	7,50	7,50	7,50	7,50	7,25	Khá	Tốt

Danh sách ấn định: 77 học viên, được xếp loại 77 học viên.

Tổng hợp xếp loại:

Giỏi: Điểm trung bình toàn khóa học từ 8,00 đến dưới 9,00: 08 học viên, bằng 10,4%.

Khá: Điểm trung bình toàn khóa học từ 7,00 đến dưới 8,00: 69 học viên, bằng 89,6%.

GHI ĐIỂM



Triệu Văn Lượng

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG



Đoàn Thị Vân Thúy

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Ánh Hoa